

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sở Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết một số điều của luật địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Căn cứ Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực có Dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Thọ

Son đến ĐT.514B xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn của Công ty cổ phần Xây dựng Minh Thuận;

Xét Đơn đề ngày 26/3/2025 (kèm theo hồ sơ) của Công ty cổ phần Xây dựng Minh Thuận đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 436/TTr-SNNMT ngày 20/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Cho phép Công ty cổ phần Xây dựng Minh Thuận (Mã số doanh nghiệp 2801593764 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/9/2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 28/8/2024; Địa chỉ: SN 20 Nơ 4, khu Đông Bắc Ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất làm vật liệu san lấp) trong diện tích dự án đầu tư xây dựng công trình Gói thầu số 11: Thi công xây dựng công trình (bao gồm cả đảm bảo an toàn giao thông và bảo hiểm công trình) thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Thọ Sơn đến ĐT.514B xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, cụ thể:

- Diện tích khu vực khai thác: 21.334 m² gồm 02 khu vực: Khu vực I có diện tích: 13.033 m², được giới hạn bởi các điểm góc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15; khu vực II có diện tích: 8.301 m², được giới hạn bởi các điểm góc: 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 và 26 có tọa độ xác định tại Phụ lục và trên Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

- Khối lượng khoáng sản được khai thác: 149.532 m³.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Thời hạn khai thác: Kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực đến ngày 30/12/2025.

- Thân khoáng: Dạng khối.

- Mức sâu khai thác:

+ Khu vực I: Đến +32,30 m.

+ Khu vực II: Đến +31,29 m.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu san lấp cung cấp cho các công trình, dự án trên địa bàn (theo hợp đồng Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận ký với các đơn vị có nhu cầu sử dụng nguồn đất thừa đảm bảo theo quy định).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận có trách nhiệm:

a) Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

b) Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

c) Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, khối lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

d) Trước khi tiến hành khai thác phải cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác.

đ) Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định.

e) Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác khoáng sản;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

f) Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

g) Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

h) Thực hiện việc phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các vi phạm về chở quá khổ, quá tải, sử dụng đất thừa không đúng mục đích, ảnh hưởng vệ sinh môi trường, mất an ninh trật tự trong khu vực, làm hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các công trình khác có liên quan; phối hợp với chính quyền địa phương để sửa chữa hư hỏng trên các tuyến đường trong quá trình vận chuyển.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh, Chi cục thuế Khu vực X, UBND huyện Triệu Sơn, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn và các đơn vị có liên quan, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định về an ninh trật tự, an toàn giao thông, đất đai, xây dựng, quản lý dự án, chất lượng đất, vệ sinh môi trường, cảnh quan và các quy

định của pháp luật hiện hành có liên quan; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các nội dung tham mưu, giải quyết thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị mình.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chấm dứt hiệu lực Giấy phép khai thác khoáng sản số 186/GP-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế khai thác khoáng sản tại khu vực của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Công an tỉnh;
- Chi cục thuế Khu vực X;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- UBND huyện Triệu Sơn;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn;
- Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TRONG DIỆN TÍCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GÓI THẦU SỐ 11 THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG
TỪ UBND XÃ THỌ SƠN ĐẾN ĐT.514B XÃ THỌ SƠN, HUYỆN TRIỆU SƠN**

*(kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Khu vực	Điểm góc	Hệ toạ độ VN2000	
		X(m)	Y(m)
Khu vực I: 13.033 m ²	1	2194 649,00	549 567,00
	2	2194 660,00	549 577,00
	3	2194 647,00	549 593,00
	4	2194 581,00	549 677,00
	5	2194 569,00	549 700,00
	6	2194 503,00	549 764,00
	7	2194 494,00	549 778,00
	8	2194 472,00	549 770,00
	9	2194 488,00	549 731,00
	10	2194 500,00	549 691,00
	11	2194 495,00	549 668,00
	12	2194 513,00	549 640,00
	13	2194 542,00	549 614,00
	14	2194 589,00	549 602,00
	15	2194 607,00	549 592,00
Khu vực II: 8.301 m ²	16	2194 408,00	549 915,00
	17	2194 425,00	549 920,00
	18	2194 420,00	549 986,00
	19	2194 420,00	550 012,00
	20	2194 386,00	550 059,00
	21	2194 353,00	550 131,00

	22	2194 335,00	550 125,00
	23	2194 357,00	550 048,00
	24	2194 364,00	550 006,00
	25	2194 364,00	549 971,00
	26	2194 378,00	549 949,00
Tổng diện tích: 21.334 m²			